CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH

Ngày 31/12/2024	18,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.7%	**-2.3%**	**-**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,490 - 23,113
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,646
Số lượng CPLH (CP)	144,181,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	406,620
Sở hữu nước ngoài	52.7%
Beta	1.61
EPS	342
P/E	53.7

DT thuần
Q4/24
111
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00| 0.7%
YoY: ▼5.00| -4.5%

LN thuần
Q4/24
-9.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.9| -191%
YoY: ▼49.1| -124%

LN sau thuế
Q4/24
-13.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.8| -247%
YoY: ▼47.8| -140%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
16.6%
YoY: +/-▼ 17.1%

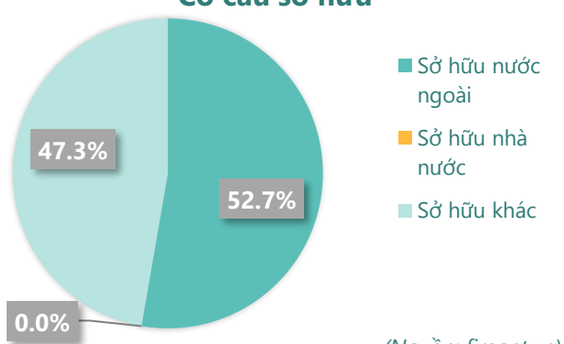
ROE
2024
2.8%
YoY: +/-▼ 7.8%

DT thuần
2024
443
tỷ VNĐ
YoY: ▼89.0| -16.7%

LN thuần
2024
59.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼94.7| -61.4%

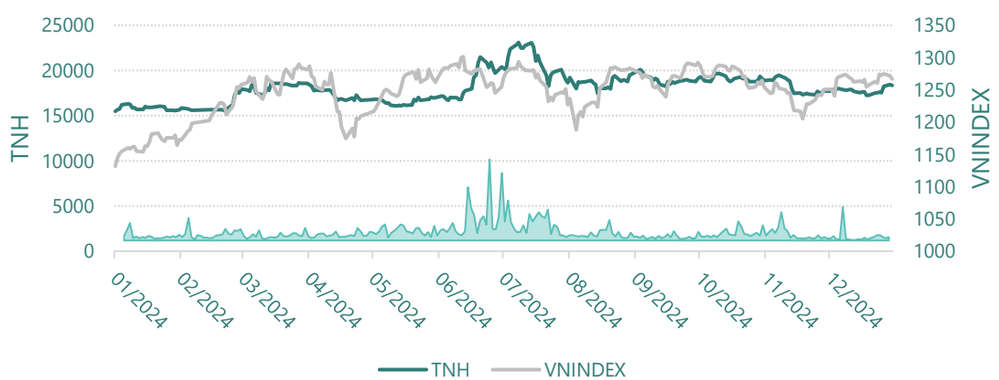
LN sau thuế
2024
49.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼90.0| -64.8%

Cơ cấu sở hữu

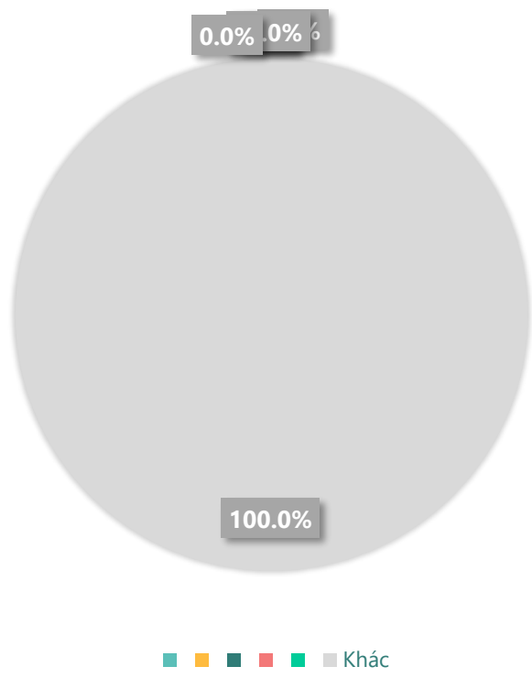


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



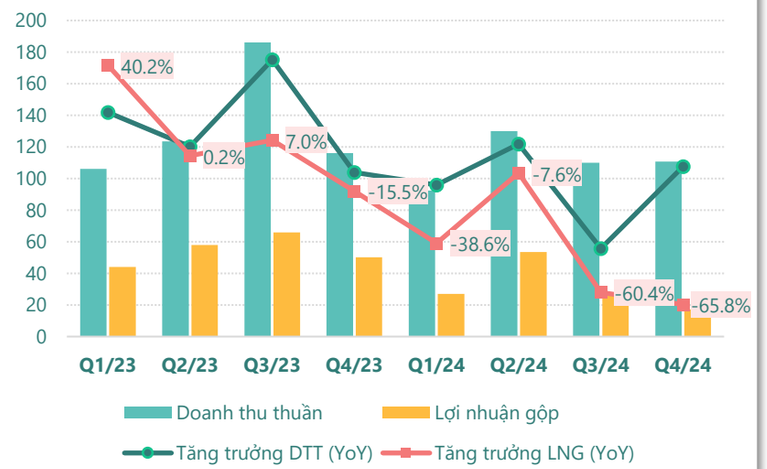
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

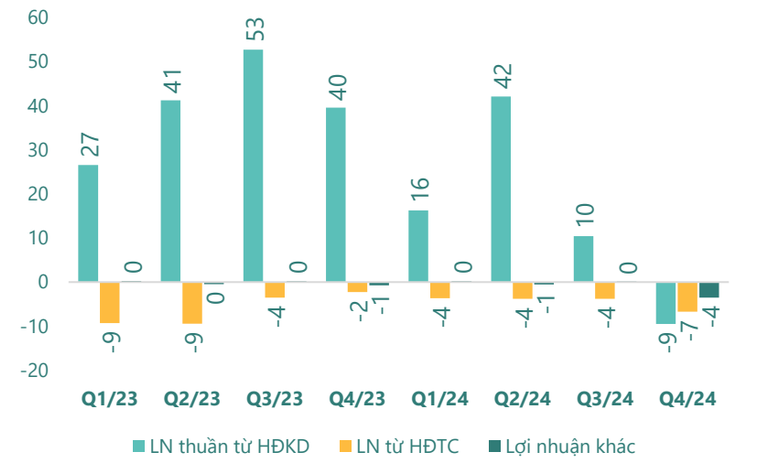
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



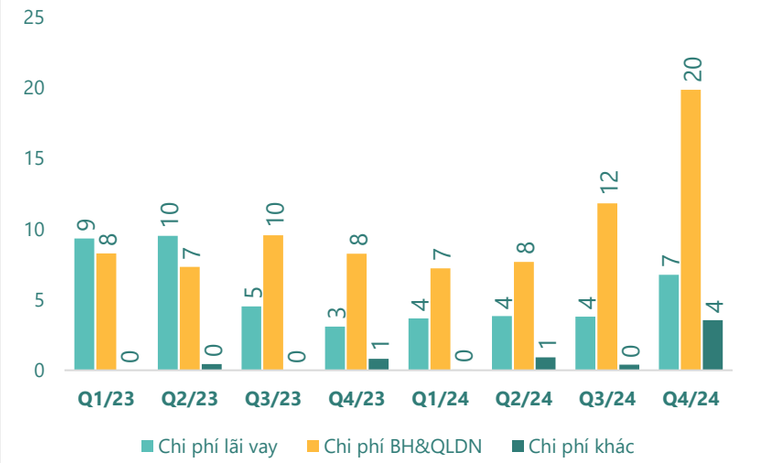
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



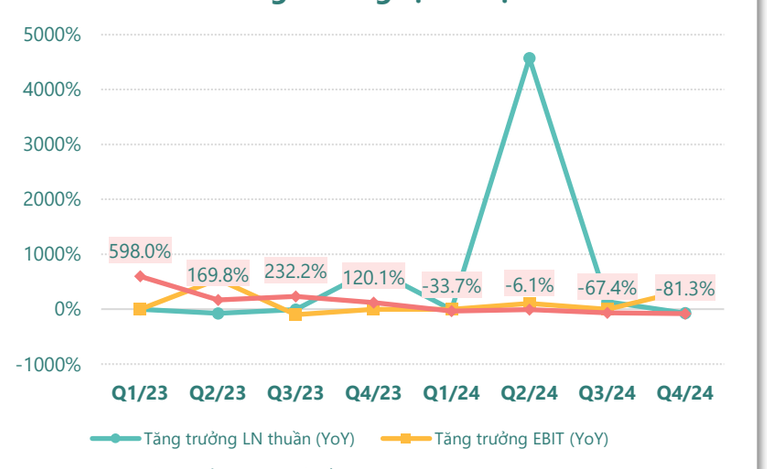
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



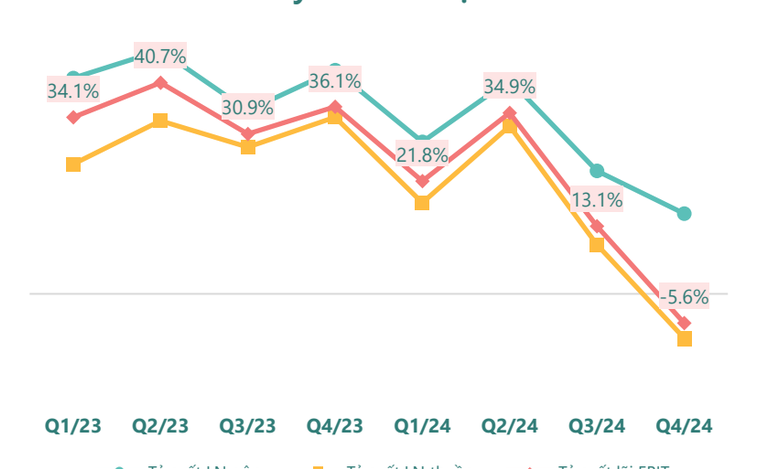
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



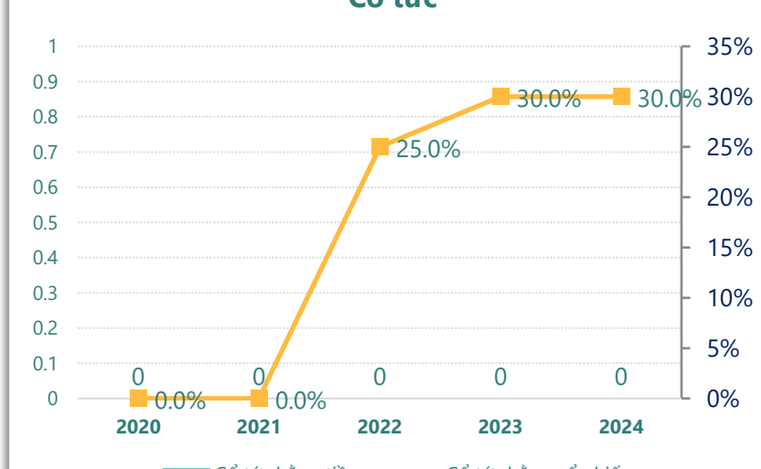
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

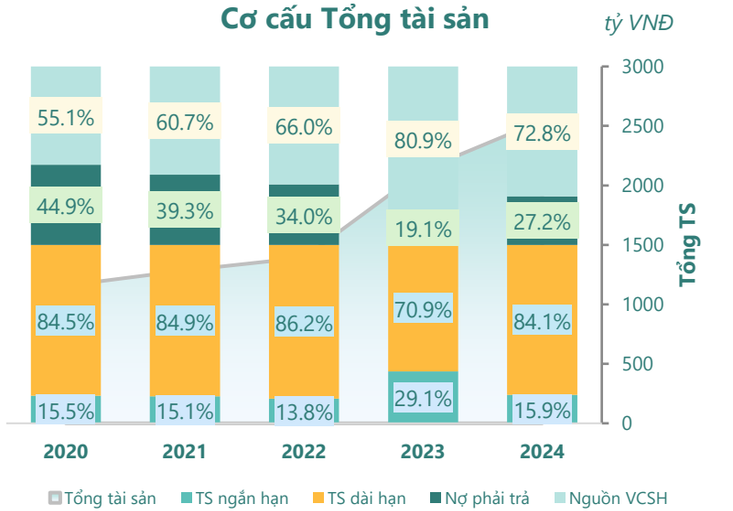
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

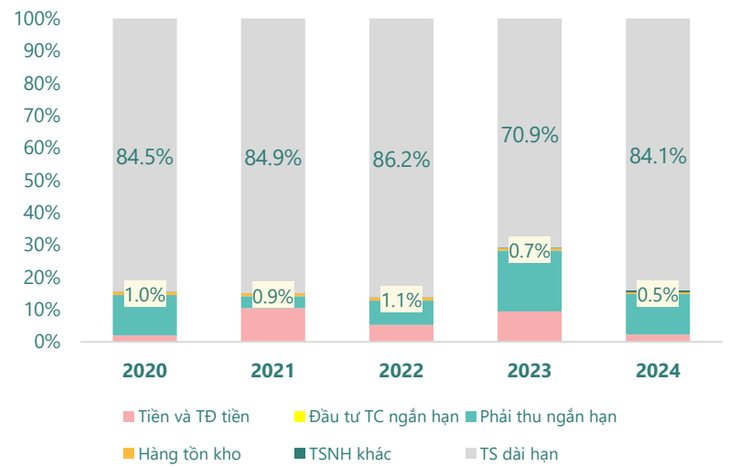
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



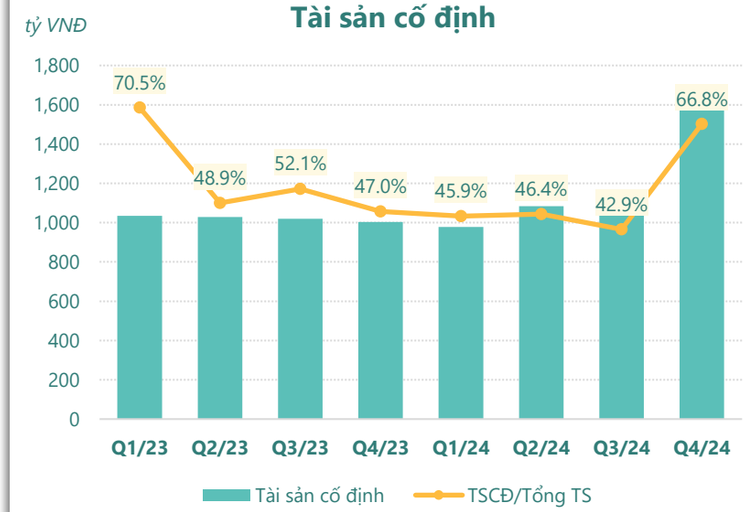
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



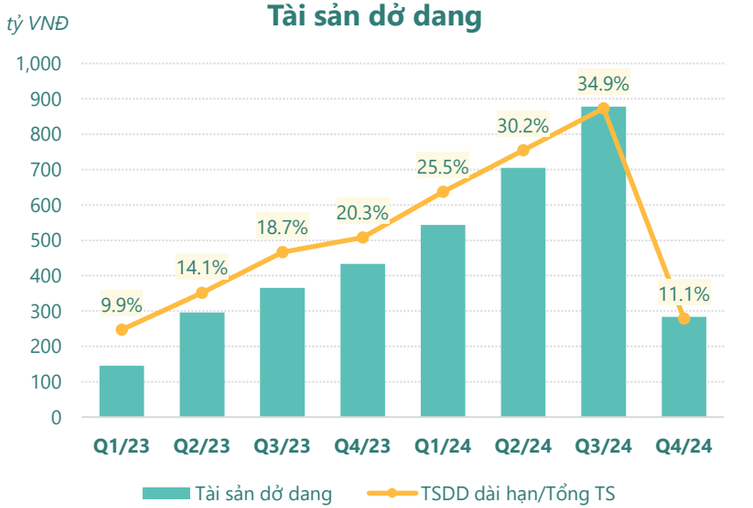
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



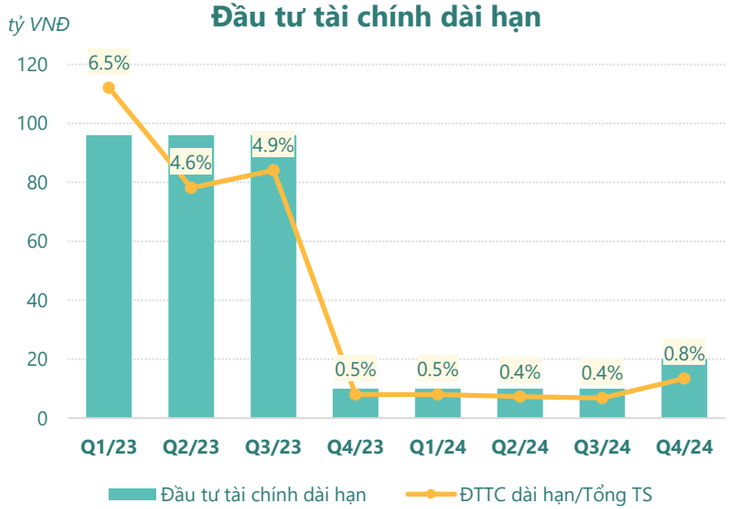
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



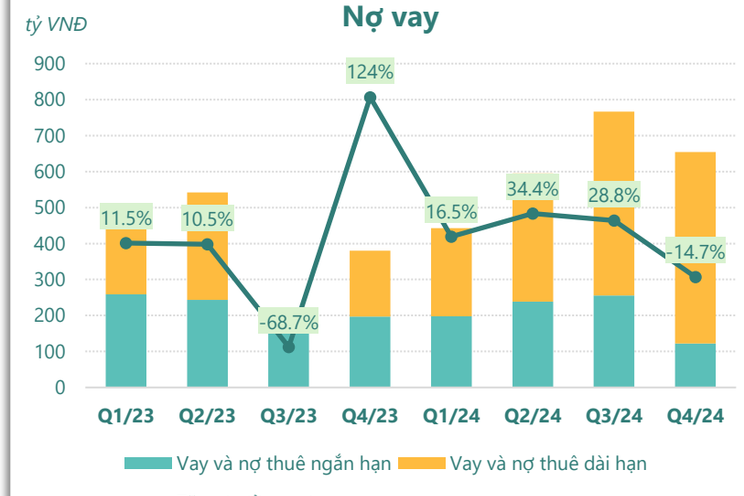
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

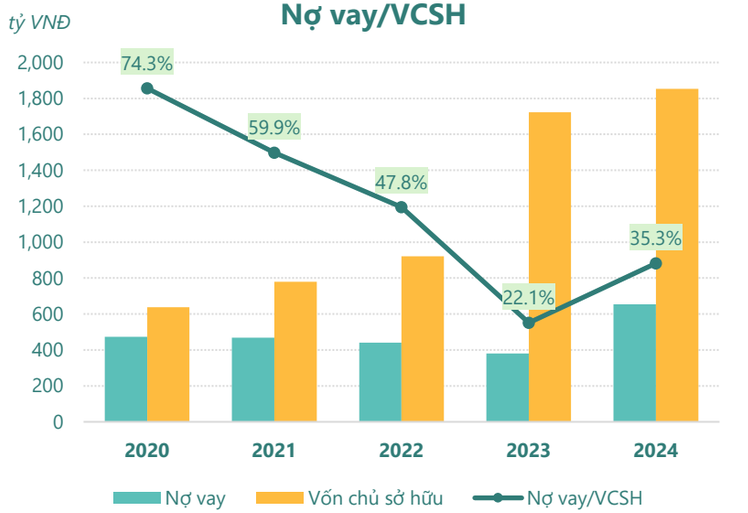
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

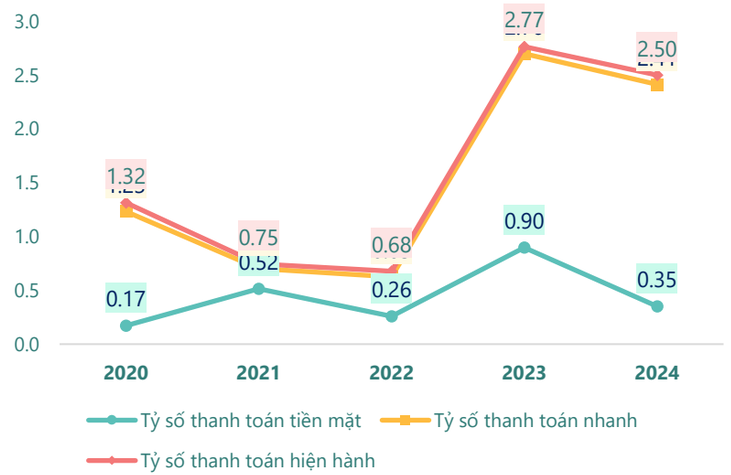
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



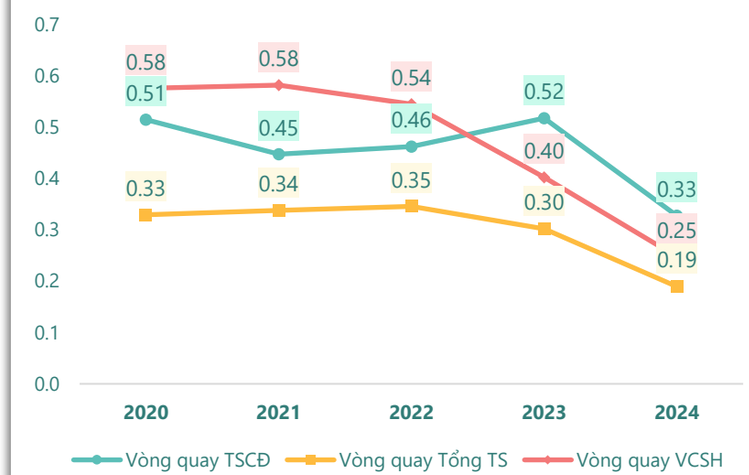
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



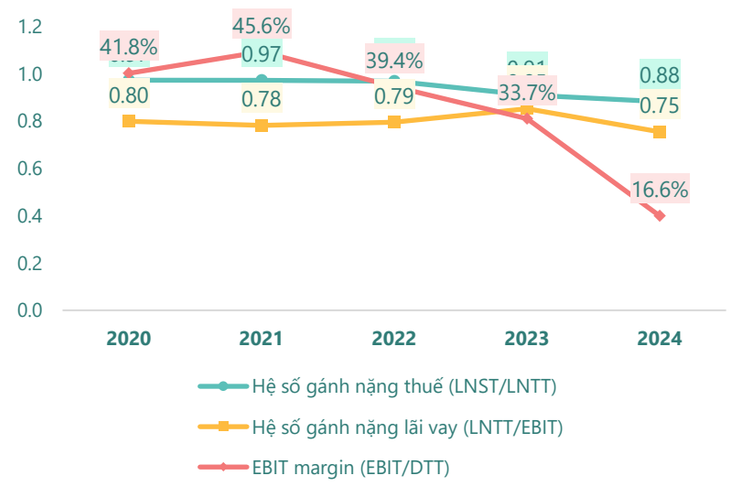
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



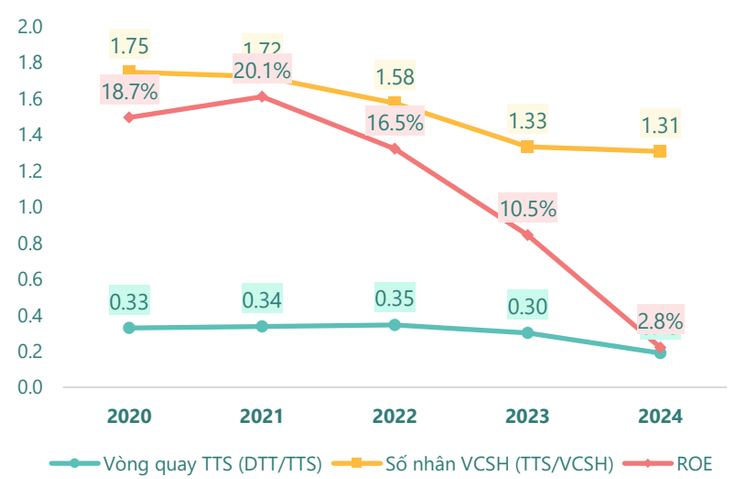
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



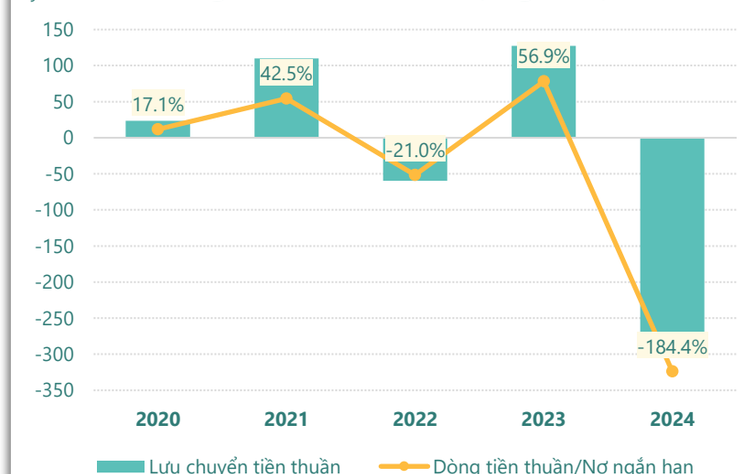
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**111**	**116**	**-4.5%**	**443**	**532**	**-16.7%**
Giá vốn hàng bán	93.6	66.0	41.8%	319	314	1.8%
Lợi nhuận gộp	17.1	50.1	-65.8%	124	218	-43.2%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.80	-96.0%	0.08	1.87	-95.7%
Chi phí TC	6.77	3.09	119%	18.1	26.5	-31.8%
Chi phí lãi vay	6.77	3.09	119%	18.1	26.5	-31.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-6.70**	**100%**
Chi phí bán hàng	0.80	0.00		2.56	2.08	23.3%
Chi phí QLDN	**19.1**	**8.26**	**131%**	**44.0**	**31.2**	**41.2%**
LN thuần từ HĐKD	-9.47	39.6	-124%	59.3	154	-61.4%
Lợi nhuận khác	**-3.54**	**-0.76**	**-366%**	**-3.74**	**-0.70**	**-437%**
LN trước thuế	-13.0	38.8	-134%	55.6	153	-63.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-13.6**	**34.2**	**-140%**	**49.0**	**139**	**-64.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.6**	**34.2**	**-140%**	**49.2**	**139**	**-64.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.0	49.1	5.54	-81.8	18.3	123
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-176	-48.9	-188	-131	-164	-154
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-201	38.6	62.8	152	171	39.7
Tiền đầu kỳ	497	162	201	81.7	21.5	47.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-334**	**38.8**	**-120**	**-60.2**	**25.8**	**9.46**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	162	201	81.7	21.5	47.3	56.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,546**	**2,131**	**19.5%**
Tài sản ngắn hạn	405	620	-34.7%
Tiền và tương đương tiền	56.8	201	-71.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	319	401	-20.5%
Hàng tồn kho	13.9	14.6	-5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	15.5	3.82	306%
Tài sản dài hạn	**2,142**	**1,510**	**41.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,700	1,006	68.9%
Bất động sản đầu tư	56.0	36.0	55.6%
Tài sản dở dang	284	433	-34.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	10.0	100%
Tài sản dài hạn khác	**81.9**	**24.6**	**233%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	693	407	70.3%
Nợ ngắn hạn	**162**	**224**	**-27.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	122	197	-37.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.5	12.9	81.7%
Nợ dài hạn	531	183	191%
Vay và nợ thuê dài hạn	531	183	191%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,853**	**1,724**	**7.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,853**	**1,724**	**7.5%**
Vốn điều lệ	1,442	959	50.4%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)